

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2024/DS-ST

Ngày: 25-4-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai.

- Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1998. (Có mặt).

Địa chỉ: số F H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số A đường C, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Cẩm T trình bày:

Do quen biết làm ăn nên khi bà T1 hỏi mượn tiền của bà để làm ăn kinh doanh nên bà đồng ý. Ngày 11/01/2023 bà cho bà T1 vay số tiền 450.000.000 đồng có lập Giấy vay nợ ngày 11/01/2022. Do ghi sai ngày 11/01/2022 và sợ bà T1 không trả tiền nên ngày 19/01/2023, bà và bà T1 có đến Văn phòng C ký hợp đồng vay, nội dung là bà cho bà T1 vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 12%/năm, thực tế bà T1 chỉ nhận 450.000.000 đồng tiền vay của bà nhưng do bà T1 không có tiền nên xin bà không

trả phần tiền lãi, bà cũng đồng ý. Trong thời gian từ khi ký hợp đồng đến ngày 25/12/2023 bà T1 có nhiều lần trả tiền cho bà với tổng số tiền 15.000.000 đồng, bà T1 cũng không có đóng lãi cho bà.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu buộc bà Nguyễn Ngọc T1 có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 435.000.000 đồng và tính lãi suất trên nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 19/01/2023 theo quy định pháp luật 12%/năm và thời gian tính từ ngày 19/01/2023 đến thời điểm Tòa xét xử.

Tại phiên tòa, bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T1 trả tiền nợ gốc 435.000.000 đồng và tính lãi suất trong hạn từ ngày 19/01/2023 đến ngày 19/7/2023 theo quy định pháp luật 10%/năm và tính lãi suất quá hạn từ ngày 20/7/2023 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 20%/năm.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của bà T1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất trong hạn là 10%/năm do không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm T. Buộc bà Nguyễn Ngọc T1 trả tiền vốn gốc 435.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán là 435.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm từ ngày 19/01/2023 đến ngày 19/7/2023, tiền lãi quá hạn trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 435.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm từ ngày 20/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trương Thị Cẩm T khởi kiện bà Nguyễn Ngọc T1. Bà Nguyễn Ngọc T1 có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị Cẩm T khởi kiện bà Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu trả tiền vay. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Tại phiên toà, bà T xác định thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm đối với tiền lãi trong hạn. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng vay tài sản (không có biện pháp bảo đảm) ngày 19/01/2023 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng C với nội dung bà T1 có vay của bà T số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận phải theo đúng luật định nhưng không vượt quá 20%/năm, có chữ ký của bên vay là bà T1 và bên cho vay là bà T. Như vậy, có cơ sở xác định giữa giữa bà T và bà T1 có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 450.000.000 đồng, hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1 không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà Tiên cung c. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Tiên cung c và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Bà T thừa nhận bà T1 đã trả 15.000.000 đồng tiền nợ gốc và chỉ yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ gốc còn lại 435.000.000 đồng. Nhận thấy, việc bà T1 không thanh toán số tiền nợ gốc 435.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc bà T1 trả số tiền trên cho bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Đối với yêu cầu tính lãi suất trên nợ gốc 435.000.000 đồng chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy theo Hợp đồng vay tài sản (không có biện pháp bảo đảm) ngày 19/01/2023 hai bên thỏa thuận lãi suất không vượt quá 20%/năm nhưng không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất, thời hạn vay 06 tháng. Do đó, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 19/01/2023 đến ngày 19/7/2023 là: 435.000.000 đồng x 10%/năm x 182 ngày = 21.991.667 đồng.

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 20/7/2023 đến ngày Tòa án xét xử (25/4/2024): 435.000.000 đồng x 12%/năm x 281 ngày = 40.745.000 đồng.

Tổng cộng là: 21.991.667 đồng + 40.745.000 đồng = 62.736.667 đồng

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T1 có nghĩa vụ trả cho bà T tiền nợ gốc 435.000.000 đồng, tiền lãi 62.736.667 đồng (tính đến ngày 25/4/2024). Tổng cộng là 497.736.667 đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với nghĩa vụ trả số tiền 497.736.667 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 244, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm T.

- Buộc bà Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Cẩm T số tiền nợ gốc 435.000.000 đồng và tiền lãi 62.736.667 đồng (tính đến ngày 25/4/2024). Tổng cộng là 497.736.667 đồng (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 23.909.467 đồng (*Hai mươi ba triệu, chín trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Cẩm T được nhận lại 11.744.000 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001413 ngày 09/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên